TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/KDTM-PT
Ngày: 06 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp giữa thành viên Công ty với Công ty và tranh chấp giữa các thành viên Công ty

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 24/2025/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc: "Tranh chấp giữa thành viên Công ty với Công ty và tranh chấp giữa các thành viên Công ty*"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 713/2025/QĐPT-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số D L, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: A207OT05, Aqua 2 G; 02 T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Đ

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Trần Việt S – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: I M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diên theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Ông Trịnh Hữu B, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: A, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Đinh Trần Việt S, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: I M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S:

Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Ông Trần Văn Á, sinh năm 1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: A, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà Trần Thị Anh N, sinh năm 1958 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: I M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng*: Bà Lê Thị Thoại E, sinh năm 1987 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: A P, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Lê Hoàng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:***

Công ty TNHH Đ có hai thành viên góp vốn là ông Đinh Trần Việt S (góp 07 tỷ đồng, tương đương 70% vốn góp) và ông Lê Hoàng T góp 03 tỷ đồng (tương đương 30% vốn góp). Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 28/10/2014.

Vào ngày 07/7/2018, Hội đồng thành viên Công ty H1 và thống nhất quyết định liên quan các vấn đề như: Bầu lại Chủ tịch Hội đồng thành viên, thay đổi người đại diện theo pháp luật, việc quản lý và sử dụng con dấu, đề nghị của ông T về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho Công ty, việc ông Đinh Trần Việt S thôi giữ chức Phó Giám đốc tài chính và sửa đổi điều lệ Công ty.

Sau cuộc họp ngày 07/7/2018 với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ, ông T đã ký quyết định cho thôi việc đối với ông Việt S

và yêu cầu ông S bàn giao và giải trình công việc. Ngày 16/7/2018, ông T ký quyết định đề nghị ông S bàn giao công việc phụ trách nhà máy D (nhà máy trực thuộc Công ty Đ). Ngày 17/7/2018, ông T tiếp tục ký phát hành hai thư thông báo yêu cầu ông S thực hiện việc kiểm toán đến thời điểm bàn giao công việc.

Tuy nhiên, ông S đã không thực hiện những công việc được yêu cầu nêu trên. Đồng thời, đối với việc đề nghị mua lại phần vốn góp của ông Thế thì Công ty Đ, ông S cũng không có phản hồi. Ngược lại ngày 27/7 ông S còn triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên nhưng không triệu tập ông T tham gia. Sau đó ông S còn thực hiện các hành vi nhằm mục đính đẩy ông Thế R khỏi Công ty như: thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty, lợi dụng danh nghĩa Công ty để ký hợp đồng vay mượn của nhiều người, đổi ổ khóa Công ty và buộc ông Thế R khỏi Công ty, cho người vào nhà máy để tháo dỡ thiết bị mà không thông báo cho ông biết.

Những việc làm của ông S nêu trên nhằm mục đích đẩy ông Thế ra khỏi Công ty, nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn Công ty TNHH Đ và ông S phải trả lại phần vốn góp của ông với số tiền 03 tỷ đồng.

**** Người đại diện theo ủy quyền Bị đơn công ty TNHH Đ – ông B trình bày:***

Công ty TNHH Đ không chấp nhận việc mua lại phần vốn góp trị giá 03 tỷ đồng của thành viên Công ty là ông Lê Hoàng T vì hiện tại Công ty Đ còn đang nợ Ngân hàng N2 số nợ trên 37 tỷ đồng vốn và lãi suất cũng như còn nợ các cá nhân khác từ việc huy động vốn. Tình hình Công ty hiện tại làm ăn không hiệu quả thua lỗ, chỉ riêng số nợ Ngân hàng thì Công ty cũng đã không có khả năng thanh toán chứ chưa nói đến số nợ các cá nhân khác. Do đó Công ty không thể thanh toán số tiền cho ông T để mua lại phần vốn góp của ông trong Công ty.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Đinh Trần Việt S đòi ông T phải thanh toán số nợ 03 tỷ đồng thì Bị đơn không có ý kiến.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S – đại diện ủy quyền ông Trần Văn Á trình bày:***

Công ty TNHH Đ có hai thành viên là ông Lê Hoàng T sở hữu 30% vốn góp tương ứng với 03 tỷ đồng và ông Đinh Trần Việt S sở hữu 70% vốn góp tương ứng với 07 tỷ đồng như Nguyên đơn trình bày. Trong quá trình kinh doanh ông Lê Hoàng T có mượn bà Trần Thị Ánh N1 (mẹ ông S) số tiền 03 tỷ đồng để góp vào Công ty Đ. Nay bà N1 đã chuyển quyền đòi nợ số tiền này cho ông S. Do đó, ông S yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 03 tỉ đồng mượn của bà N1 cho ông.

Ngoài ra thời gian ông T làm Giám đốc còn vi phạm trách nhiệm của mình, lạm dụng chức vụ để chiếm đoạt toàn bộ số tiền 16.828 EURO từ việc chênh lệch tỉ giá mua hàng hóa vơi Công ty C.FG.Nielsen mà không đưa vào quỹ Công ty.

Nên ông S yêu cầu: Không chấp nhận việc mua lại cổ phần hay rút vốn của ông T; Ông T trả lại số tiền mượn 03 tỉ đồng của bà N1 cho ông.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2022/KDTM.ST ngày 29/8/2022 Của TAND thành phố Cần Thơ tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Lê Hoàng T, không chấp nhận yêu cầu của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S.

Ngày 30/8/2022 ông S có đơn kháng cáo và ngày 12/9/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có kháng nghị bản án sơ thẩm.

Tại Bản án phúc thẩm số 33/2023/KDTM.PT ngày 27/4/2023 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử: Hủy bản án sơ thẩm của TAND thành phố Cần Thơ để xét xử lại sơ thẩm.

Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý lại sơ thẩm và đưa ra xét xử.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Lê Hoàng T về việc yêu cầu Công ty TNHH Đ phải trả lại phần vốn góp của ông Lê Hoàng T số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S về việc yêu cầu ông Lê Hoàng T phải trả số tiền nợ 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 23/9/2024, nguyên đơn ông Lê Hoàng T kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Đ phải trả lại phần vốn góp của ông Lê Hoàng T số tiền 3.000.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S giữ nguyên yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc ông Lê Hoàng T phải trả ông S số tiền nợ 3.000.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S, không chấp nhận kháng cáo của ông T.

Đại diện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Anh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Theo đơn khởi kiện ban đầu ông T đề nghị Tòa buộc Công ty TNHH Đ (viết tắt là Công ty Đ) mua lại phần vốn góp của ông T theo giá thị trường. Trường hợp Công ty không mua phần vốn góp thì giải quyết cho ông T rút vốn ra khỏi Công ty Đ. Đến ngày 01/12/2020, ông T yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện là xác định giá trị phần vốn góp của ông T trong Công ty Đ theo giá thị trường tạm

tính là 03 tỷ đồng. Đến ngày 05/8/2022, đại diện theo uỷ quyền của ông T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung "buộc bị đơn Công ty Đ trả lại cho ông Lê Hoàng T số tiền 03 tỷ đồng, không yêu cầu tính lãi, giá thị trường hiện nay đối với số tiền nêu trên.

[2.2] Đến ngày 05/12/2022, ngày 08/02/2023, nguyên đơn có thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty Đ giải quyết yêu cầu mua lại phần vốn góp của ông T trong Công ty. Lý do kể từ ngày 07/7/2018 Hội đồng thành viên (HĐTV) Công ty họp thống nhất quyết định: Bầu lại HĐTV mới là ông Đinh Trần Việt S; thay đổi vị trí người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Lê Hoàng T cho ông Đinh Trần Việt S (chức vụ giám đốc); Thông qua quy định tăng số lượng con dấu lên 2 con dấu; Thông qua đề nghị của ông T về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thành viên. Cho đến nay Công ty và ông S vẫn chưa giải quyết cho ông T.

[2.3] Sau khi Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết lại thì ngày 12/3/2023 người đại diện theo ủy quyền của ông T có đơn bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ cùng ông Đinh Trần Việt S liên đới trả lại toàn bộ giá trị phần vốn góp mà ông T đã góp theo giá trị trường tạm tính số tiền là 03 tỷ đồng.

[2.4] Do các bên đều thống nhất Công ty TNHH Đ được thành lập với hai thành viên góp vốn gồm ông Lê Hoàng T và ông Đinh Trần Việt S theo tỷ lệ ông T 30% tương ứng 03 tỷ đồng, ông S 70% tương ứng 07 tỷ đồng. Vì vậy có cơ sở cho rằng ông T đã có góp 03 tỷ đồng vào Công ty Đ và đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.5] Tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần 9 ngày 18/10/2018); sổ thành viên góp vốn; Điều lệ Công ty ghi nhận ông Lê Hoàng Thế L thành viên góp vốn, với số tiền vốn đã góp là 3 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 30%/vốn góp. Việc ông Lê Hoàng T góp vốn vào Công ty Đ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

[2.6] Tại khoản 2 Điều 51 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và khoản 2 Điều 50 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định nghĩa vụ của thành viên "Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các Điều 52, 53, 54 và 68 của Luật này". Tại khoản 6 Điều 50 Luật Doanh nghiệp năm 2014, khoản 1 Điều 49 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định quyền của thành viên: "Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty". Theo Điều lệ Công ty Đ tại Điều 11 "mua lại phần vốn góp"; Điều 12 "chuyển nhượng phần vốn góp"; Điều 13 "xử lý phần vốn góp trong các

trường hợp đặc biệt"…qui định rõ việc mua lại phần vốn góp phải đảm bảo các điều kiện thoả mãn tại khoản 1, 2 và 4 của Điều 11 của Điều lệ Công ty.

[2.7] Như vậy, đối chiếu với các điều khoản trên thì không quy định nào liên quan đến việc khi thành viên Công ty đã góp vốn xong, khi Công ty kinh doanh bị thua lỗ, nợ tiền Ngân hàng lại có quyền đòi Công ty phải hoàn trả lại giá trị số vốn đã góp.

Đồng thời, tại các văn bản thông báo nợ quá hạn và đơn khởi kiện của Ngân hàng N2 thể hiện Ngân hàng đang yêu cầu Công ty Đ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ tạm tính đến ngày 23/10/2023 với số tiền trên 37 tỉ đồng (gồm nợ gốc và lãi phát sinh) và các phiếu chuyển tiền do cá nhân ông Đinh Trần Việt S chuyển cho Công ty Đ mượn để thanh toán tiền lương và một số chi phí khác của Công ty. Việc này thể hiện lời trình bày của Công ty Đ là đang thiếu nợ Ngân hàng và một số cá nhân bên ngoài là có thật, nên không thể xem xét hoàn trả giá trị phần góp vốn cho ông Lê Hoàng T.

[2.8] Quá trình giải quyết lại vụ án, Công ty Đ cung cấp Báo cáo tài chính năm 2018 - 2021 và 2022, 2023 thể hiện: Thực tế giai đoạn năm 2017 và 2018 ông Thế là giám đốc thì có toàn quyền thực hiện các công việc điều hành quản lý hoạt động Công ty, vì vậy không thể cho rằng ông không biết về mọi hoạt động của Công ty giai đoạn này và việc quyết toán tài chính của Công ty. Theo báo cáo tài chính năm 2017 và 2018 thì tài chính Công ty bị âm từ trên 04 đến 08 tỉ đồng của giai đoạn ông Thế là giám đốc, ngoài ra từ năm 2021, 2022 và 2023 tài chính của Công ty vẫn đang bị âm như hiện nay.

Từ đó cho thấy Công ty Đ cho rằng đang gặp khó khăn về tài chính để từ chối trả lại phần vốn góp của nguyên đơn là có cơ sơ bởi lẽ, thực tế Công ty có thực hiện báo cáo tài chính định kỳ nên đã thể hiện và kết luận khả năng tài chính của Công ty, các tài liệu Bị đơn cung cấp đều thể hiện Công ty Đ đang có nợ và Ngân hàng đang kiện đòi nợ của Công ty đang được Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xem xét giải quyết, từ đó cho thấy đủ căn cứ chứng minh tình hình tài chính của Công ty không ổn định, liên tục không có lợi nhuận, việc ông T yêu cầu rút lại phần góp vốn là không có căn cứ.

[2.9] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng T đòi lại phần vốn đã góp hay buộc Công ty mua lại phần vốn là có cơ sở.

[3] Xét kháng cáo của ông Đinh Trần Việt S: Ông S yêu cầu ông Lê Hoàng T phải trả số tiền 03 tỷ đồng mà bà Trần Thị Ánh N1 đã cho ông T mượn để ông T góp vốn vào Công ty Đ. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì ông S đưa ra yêu cầu nhưng không cung ấp được tài liệu, chứng cứ nào có giá trị pháp lý chứng minh

là ông T có nợ tiền bà N1 và khai nhận này cũng không được phía nguyên đơn thừa nhận. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bà N1 có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu xét xử vắng mặt nên không thể đối chất, xem xét đánh giá làm rõ yêu cầu độc lập của ông S. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông S là phù hợp.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lê Hoàng Thế L người cao tuổi nên được miễn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Hoàng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Điều 50, khoản 1 Điều 56 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều 49, 50 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Lê Hoàng T về việc yêu cầu Công ty TNHH Đ phải trả lại phần vốn góp của ông Lê Hoàng T số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S về việc yêu cầu ông Lê Hoàng T phải trả số tiền nợ 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Lê Hoàng T được miễn án phí nên ông T được nhận lại 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại số 000152 ngày 08/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S phải chịu 92.000.000 đồng (chín mươi hai triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng) theo biên lai số 000211 ngày 04/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, ông S còn phải nộp thêm 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Hoàng T được miễn. H lại cho ông Lê Hoàng T 2.000.000 (Hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000043 ngày 25/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trần Việt S phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000046 ngày 27/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Thúy